

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi
trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-BGDĐT ngày 25 tháng 8 năm
2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi chọn học
sinh giỏi cấp quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung
học phổ thông;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự
các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;*

*Xét Tờ trình số 2599/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi
để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên
địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo áp dụng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh và huyện, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Trà Vinh được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo quy định.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo và dạy nghề theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quy định cụ thể nội dung, mức chi

1. Nội dung chi, mức chi để tổ chức các kỳ thi cấp trung học phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông; thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; tập huấn đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia (chi tiết theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết).

2. Nội dung chi, mức chi để tổ chức các kỳ thi cấp tỉnh: Thi tuyển sinh vào lớp 10; thi các lớp cuối cấp tiếng Khmer; thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa (lớp 9, lớp 11); thi chọn học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia; thi nghề phổ thông (chi tiết theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết).

3. Nội dung chi, mức chi để tổ chức các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh tổ chức hàng năm, từ 2 năm trở lên tổ chức 1 lần và các cuộc thi, hội thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức: Hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp học; hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi các cấp học; các cuộc thi, hội thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức (theo chuyên đề); cuộc thi học sinh với ý tưởng khởi nghiệp; hội thi Giải toán trên máy tính cầm tay (chi tiết theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết).

4. Đối với các kỳ thi, cuộc thi hội thi cấp huyện: Mức chi bằng 80% mức chi tương ứng cho từng nội dung chi của các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Đối với các cuộc thi, hội thi cấp trường: Mức chi bằng 60% mức chi tương ứng cho từng nội dung chi của các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Mức chi quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại Điều 1 Nghị quyết này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

2. Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 7 năm 2022./. *KV*

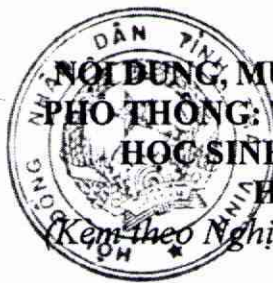
Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: TP, TC, GD và ĐT, LĐ-TB và XH;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: TP, TC, GD và ĐT, LĐ-TB và XH, Cục Thống kê, Cục Thuế tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Báo, Đài PT&TH Trà Vinh;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái



Phụ lục I

**NỘI DUNG, MỨC CHI ĐỂ TỔ CHỨC CÁC KỲ THI CẤP TRUNG HỌC
PHỔ THÔNG; TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG; THI CHỌN
HỌC SINH GIỎI CẤP QUỐC GIA; TẬP HUẤN ĐỘI TUYỂN
HỌC SINH GIỎI DỰ THI CẤP QUỐC GIA**

*(Kèm theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

Số TT	Tên kỳ thi	Nội dung chi	Mức chi /Tiền công (1.000đ)	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Tốt nghiệp trung học phổ thông	1. Ban Chỉ đạo thi			
		- Trưởng ban	600	Người/ngày	
		- Phó Trưởng ban Thường trực	450	Người/ngày	
		- Phó Trưởng ban	450	Người/ngày	
		- Ủy viên, thư ký	300	Người/ngày	
		- Nhân viên phục vụ	150	Người/ngày	
		2. Hội đồng thi			
		- Chủ tịch Hội đồng	600	Người/ngày	
		- Phó Chủ tịch	450	Người/ngày	
		- Ủy viên	300	Người/ngày	
		3. Hội đồng/Ban in sao đề thi			
		- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	400	Người/ngày	
		- Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	300	Người/ngày	
		- Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ, phục vụ làm việc cách ly (vòng trong)	200	Người/ngày	
		- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	150	Người/ngày	
		- Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	200	Người/ngày	
		4. Ban Thư ký			
		- Trưởng ban	400	Người/ngày	
		- Phó Trưởng ban	300	Người/ngày	
		- Ủy viên	200	Người/ngày	
		5. Hội đồng/Ban Coi thi			
		- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	400	Người/ngày	
		- Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	300	Người/ngày	
		- Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	300	Người/ngày	
		- Trưởng điểm thi	300	Người/ngày	
		- Phó trưởng điểm thi	200	Người/ngày	
		- Công an vòng trong (24/24)	200	Người/ngày	
		- Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi, giám sát	200	Người/ngày	
		- Công an, bảo vệ	150	Người/ngày	

Số TT	Tên kỳ thi	Nội dung chi	Mức chi /Tiền công (1.000đ)	Đơn vị tính	Ghi chú
		6. Ban/Tổ làm phách			
		- Trưởng ban/Tổ trưởng	400	Người/ngày	
		- Phó Trưởng ban/Tổ phó	300	Người/ngày	
		- Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly (vòng trong)	200	Người/ngày	
		- Nhân viên phục vụ, y tế (vòng trong); phục vụ và bảo vệ vòng ngoài	150	Người/ngày	
		7. Hội đồng/Ban chấm thi: Hội đồng/Ban Chấm thi tự luận; Hội đồng/Ban Chấm thi trắc nghiệm; Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận; Hội đồng/Ban phúc khảo trắc nghiệm; Hội đồng/Ban Chấm thẩm định bài thi			
		- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	400	Người/ngày	
		- Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	300	Người/ngày	
		- Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	300	Người/ngày	
		- Ủy viên/cán bộ chấm thi, thư ký, kỹ thuật viên, giám sát	200	Người/ngày	
		- Chi cho cán bộ chấm phúc khảo	200	Người/ngày	
		- Chi cho cán bộ chấm thẩm định bài thi	200	Người/ngày	
		- Công an, phục vụ vòng trong (24/24)	200	Người/ngày	
		- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	150	Người/ngày	
		8. Tiền công chấm thi: Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành Chấm phúc khảo bài thi tự luận, bài thi trắc nghiệm			
		- Bài thi tự luận (tối thiểu chấm 12bài/ngày/người)	200	Người/ngày	
		- Bài thi trắc nghiệm (tối thiểu chấm 230 bài/ngày/người)	200	Người/ngày	
		9. Tiền công chi cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi (áp dụng đối với thanh tra kiêm nhiệm)			
		-Trưởng đoàn thanh tra	400	Người/ngày	
		- Thành viên đoàn thanh tra	200	Người/ngày	
2	Thi chọn học sinh giỏi quốc gia	1. Hội đồng/Ban Coi thi			
		- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	400	Người/ngày	
		- Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	300	Người/ngày	

KV

Số TT	Tên kỳ thi	Nội dung chi	Mức chi /Tiền công (1.000đ)	Đơn vị tính	Ghi chú
	trung học phổ thông các môn văn hóa	- Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	300	Người/ngày	
		- Công an vòng trong (24/24)	200	Người/ngày	
		- Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi	200	Người/ngày	
		- Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ	150	Người/ngày	
		2. Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia			
		Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	150	Người/ngày	
		Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết	225	Tiết	
		Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành	225	Tiết	
		Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	94	Tiết	

KV



Phụ lục II

NỘI DUNG, MỨC CHI ĐỀ TỔ CHỨC CÁC KỲ THI CẤP TỈNH: THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10; THI CÁC LỚP CUỐI CẤP TIẾNG KHMER; THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH CÁC MÔN VĂN HÓA (LỚP 9, LỚP 11); THI CHỌN HỌC SINH GIỎI DỰ THI CẤP QUỐC GIA; THI NGHỀ PHỔ THÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Số TT	Nội dung chi	Mức chi/ Tiền công	Đơn vị tính (1.000đ)	Ghi chú
1	Hội đồng thi			
	- Chủ tịch Hội đồng	400	Người/ngày	
	- Phó Chủ tịch	300	Người/ngày	
	- Ủy viên, thư ký	250	Người/ngày	
2	Thành viên Ban Thư ký			
	- Trưởng ban	360	Người/ngày	
	- Phó Trưởng ban	270	Người/ngày	
	- Ủy viên	180	Người/ngày	
3	Thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi			
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	360	Người/ngày	
	- Phó Chủ tịch Thường trực/Phó Trưởng ban Thường trực	270	Người/ngày	
	- Phó Chủ tịch/Phó ban	270	Người/ngày	
	- Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ, phục vụ vòng trong (24/24h)	180	Người/ngày	
	- Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng ngoài	150	Người/ngày	
4	Thành viên Hội đồng/Ban in sao đề thi			
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	360	Người/ngày	
	- PCT Hội đồng/Phó Trưởng ban	270	Người/ngày	
	- Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ, phục vụ làm việc cách ly (vòng trong)	180	Người/ngày	
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	150	Người/ngày	
	- Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	180	Người/ngày	
5	Thành viên Hội đồng/Ban Coi thi			
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	360	Người/ngày	
	- Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	270	Người/ngày	
	- Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	270	Người/ngày	
	- Trưởng điểm	270	Người/ngày	
	- Phó trưởng điểm	180	Người/ngày	
	- Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi, kỹ thuật viên, công an vòng trong	180	Người/ngày	
	- Công an, bảo vệ vòng ngoài	150	Người/ngày	
6	Thành viên Ban/Tổ làm phách			
	- Trưởng ban/Tổ trưởng	360	Người/ngày	
	- Phó Trưởng ban/Tổ phó	270	Người/ngày	

Số TT	Nội dung chi	Mức chi/ Tiền công	Đơn vị tính (1.000đ)	Ghi chú
	- Ủy viên, thư ký, phục vụ, công an làm việc cách ly (vòng trong)	180	Người/ngày	
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	150	Người/ngày	
7	Thành viên các Hội đồng/Ban chấm thi: Hội đồng/Ban Chấm thi tự luận; Hội đồng/Ban Chấm thi trắc nghiệm; Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận; Hội đồng/Ban phúc khảo trắc nghiệm; Hội đồng/Ban Chấm thẩm định bài thi.			
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	360	Người/ngày	
	- Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	270	Người/ngày	
	- Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	270	Người/ngày	
	- Ủy viên/cán bộ chấm thi, thư ký, kỹ thuật viên	180	Người/ngày	
	- Chỉ cho cán bộ chấm phúc khảo	180	Người/ngày	
	- Chỉ cho cán bộ chấm thẩm định bài thi	180	Người/ngày	
	- Chỉ cho cán bộ chấm phúc khảo bài thi học sinh giỏi	180	Người/ngày	
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	150	Người/ngày	
8	Tiền công ra đề thi			
	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
	- Chủ trì	270	Người/ngày	
	- Các thành viên	180	Người/ngày	
9	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận			
	- Đề thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	180	Đề theo phân môn	
	- Đề thi chọn học sinh giỏi vào đội tuyển tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia	180	Đề theo phân môn	
10	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm			
	- Đề tự luận	390	Người/ngày	
	- Đề trắc nghiệm	390	Người/ngày	
	- Đề thi nói	390	Người/ngày	
	- Đề thi chọn học sinh giỏi vòng tỉnh	650	Người/ngày	
11	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi			
11.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
	- Chủ trì	270	Người/ngày	
	- Thành viên	180	Người/ngày	
11.2	Tiền công đối với câu hỏi			
	- Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	35	Câu	
	- Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	30	Câu	
	- Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	25	Câu	
	- Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	18	Câu	

KV

Số TT	Nội dung chi	Mức chi/ Tiền công	Đơn vị tính (1.000đ)	Ghi chú
	- Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	5	Câu	
11.3	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			
	- Chủ trì	270	Người/ngày	
	- Thành viên	180	Người/ngày	
12	Tiền công chấm thi:			
	- Bài thi tự luận, bài thi nói và bài thực hành thi HS giỏi (Tối thiểu 4 bài/ngày/người)	180	Người/ngày	
	- Tuyển sinh các lớp đầu cấp, ngữ văn Khmer (Tối thiểu 12bài/ngày/người)	180	Người/ngày	
	- Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (Tối thiểu 4bài/ngày/người)	180	Người/ngày	
	- Chi chấm trắc nghiệm (Tối thiểu chấm 230 bài/ngày/người)	180	Người/ngày	
13	Chi bồi dưỡng dạy học sinh giỏi vòng tỉnh	125	Tiết	
14	Tiền công chi cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi (áp dụng đối với thanh tra kiêm nhiệm)			
	- Trưởng đoàn thanh tra	360	Người/ngày	
	- Thành viên đoàn thanh tra	180	Người/ngày	
15	Tiền ăn, giải khát giữa giờ cho thành viên ra đề, in sao đề và làm phách trong thời gian cách ly tập trung	Thực hiện theo Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh		
16	Tiền ăn, giải khát giữa giờ cho học sinh tập huấn trong đội tuyển tham dự thi kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Thực hiện theo Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh		

KV

Phụ lục III

**NỘI DUNG CHI, MỨC CHI ĐỀ TỔ CHỨC CÁC CUỘC THI,
HỘI THI CẤP TỈNH TỔ CHỨC HÀNG NĂM, TỪ 2 NĂM TRỞ LÊN
TỔ CHỨC 1 LẦN VÀ CÁC CUỘC THI, HỘI THI DO
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỔ CHỨC**

(Kèm theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Áp dụng đối với các hội thi, cuộc thi: Hội thi Giáo viên dạy giỏi; Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi; Hội thi giải toán trên máy tính cầm tay; cuộc thi học sinh với ý tưởng khởi nghiệp; các cuộc thi, hội thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức (theo chuyên đề).

STT	Nội dung chi	Mức chi/ Tiền công các cuộc thi, hội thi từ 2 năm trở lên tổ chức 1 lần	Mức chi /Tiền công các cuộc thi, hội thi tổ chức hàng năm	Đơn vị tính (1.000đ)	Ghi chú
1	Ra đề thi				
1.1	Chi cho công tác ra đề thi chính thức và dự bị				
	Chi cho cán bộ ra đề thi	225	203	Người/ngày	
1.2	Chi phụ cấp trách nhiệm Hội đồng/Ban ra đề thi				
	- Chủ tịch Hội đồng	300	270	Người/ngày	
	- Phó Chủ tịch thường trực	225	203	Người/ngày	
	- Các Phó Chủ tịch	225	203	Người/ngày	
	- Ủy viên, thư ký	150	135	Người/ngày	
	- Phục vụ	150	135	Người/ngày	
2	Tổ chức coi thi				
	- Chủ tịch Hội đồng	300	270	Người/ngày	
	- Phó Chủ tịch Hội đồng	225	203	Người/ngày	
	- Ủy viên, Thư ký, giám thị	150	135	Người/ngày	
	- Bảo vệ, phục vụ	150	135	Người/ngày	
3	Tổ chức chấm thi				
3.1	Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành				
	- Giám khảo chấm bài thi	150	135	Người/ngày	
	- Giám khảo chấm thực hành	225	203	Người/ngày	
	- Giám khảo chấm đồ dùng dạy học và sáng kiến kinh nghiệm...	225	203	Người/ngày	
	- Chi cho việc thuê, mua vận chuyển dụng cụ thí nghiệm, nguyên vật liệu, hóa chất, mẫu thực hành...			Theo thực tế phát sinh	
3.2	Chấm bài thi trắc nghiệm				
	- Chi cho cán bộ thuộc tổ xử lý bài thi trắc nghiệm	225	203	Người/ngày	

KV

STT	Nội dung chi	Mức chi/ Tiền công các cuộc thi, hội thi từ 2 năm trở lên tổ chức 1 lần	Mức chi /Tiền công các cuộc thi, hội thi tổ chức hàng năm	Đơn vị tính (1.000đ)	Ghi chú
3.3	Chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo, thẩm định				
	- Chủ tịch Hội đồng	300	270	Người/ngày	
	- Phó Chủ tịch thường trực	225	203	Người/ngày	
	- Các Phó Chủ tịch	225	203	Người/ngày	
	- Ủy viên, Thư ký, kỹ thuật viên	150	135	Người/ngày	
	- Bảo vệ, phục vụ	150	135	Người/ngày	
4	Chi khen thưởng				
4.1	Cá nhân:				
	Giải nhất	1.000	900	Thí sinh	
	Giải nhì	800	720	Thí sinh	
	Giải ba	600	540	Thí sinh	
	Giải khuyến khích	400	360	Thí sinh	
4.2	Tập thể				
	Giải nhất	1.500	1.350	Mỗi giải chỉ chọn 01 đơn vị	
	Giải nhì	1.300	1.170		
	Giải ba	1.100	990		
	Giải khuyến khích	900	810		
5	Các khoản chi khác theo thực tế			Căn cứ Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp trong phạm vi dự toán được giao	
6	Tiền xe, tiền ăn cho người tham dự			Căn cứ theo quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị hiện hành	
7	Các cuộc thi, hội thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức				
	- Tiền ăn luyện tập chuẩn bị tham dự		50	Người/ngày	
	- Tiền nước uống trong thời gian tham dự		40	Người/ngày	
	- Tiền ăn (Tính từ ngày đi đến ngày về)		150	Người/ngày	
	- Tiền nghỉ đêm (Tính từ ngày đi đến ngày về)		250	Người/ngày	
	- Các khoản chi khác theo thực tế			Căn cứ Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp trong phạm vi dự toán được giao	

KV